TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY PETROLIMEX **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



*DỰ THẢO*: NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

(Kèm theo Tờ trình ngày 29/04/2022 của HĐQT Công ty)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Điều lệ hiện hành** | **Nội dung sửa đổi** | **Ghi chú** |
| **PHẦN MỞ ĐẦU** | | | |
|  | Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung và thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 14 tháng 04 năm 2021 | Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung và thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày …… tháng ….. năm 2022 | Theo ngày thực tế thông qua Điều lệ |
| **CHƯƠNG I – ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ** | | | |
| **Điều 1. Giải thích thuật ngữ** | | | |
|  | f. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp. | f. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp. | Theo Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 |
|  | j. "Người quản lý Công ty” bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. | j. "Người quản lý doanh nghiệp” bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. | Theo Khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 |
| **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** | | | |
|  | 1. Vốn điều lệ của Công ty chỉ được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và không đem chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 18 | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 1** | Luật DN và Điều lệ mẫu Thông tư 116 không còn nêu |
|  | 3. Các hình thức giảm vốn điều lệ:  a. Công ty mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm;  b. Công ty thu hồi và hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm | 3. Các hình thức giảm vốn điều lệ:  a. Theo quyết định của Đại hội đồng cồ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;  b. Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 Luật doanh nghiệp | Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 112 Luật doanh nghiệp năm 2020 |
|  | 7. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:  a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này. Quá thời hạn trên mà các cổ đông không có văn bản gửi tới Công ty coi như chấp thuận với các quyết định có liên quan;  b. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Điểm a Khoản 10 Điều này, Công ty có trách nhiệm mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng;  c. Trường hợp cổ đông có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn muốn chuyển nhượng cổ phần mà không chuyển nhượng được, Công ty xét mua lại theo sự thỏa thuận giữa cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. | 7. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:  a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.  b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm a Khoản 7 với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là lựa chọn cuối cùng. | Sửa đổi theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 132 Luật doanh nghiệp 2020  Bỏ điểm c vì Luật doanh nghiệp không còn quy định này |
|  | 8. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:  a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; | 8. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:  a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; | Sửa theo Khoản 1 Điều 133 Luật doanh nghiệp |
|  | b. Hội đồng quản trị quyết định lại giá muacổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 11 Điều này. Đối với cổ phần loại khác nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua không được thấp hơn giá thị trường; | b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản này. Đối với cổ phần loại khác nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường | Sửa theo Khoản 3 Điều 133 Luật doanh nghiệp |
|  | c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. | c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. | Sửa theo Khoản 3 Điều 133 Luật doanh nghiệp |
|  | d. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên. | d. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên | Sửa theo Khoản 3 Điều 133 Luật doanh nghiệp |
|  | 9. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:  a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 10 và 11 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. | 9. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:  a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác | Sửa theo Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp |
|  | b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 10 và 11 của Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán. | b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 112 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. | Sửa theo Khoản 2 Điều 134 Luật doanh nghiệp |
|  | c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty | c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phái được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu. | Sửa theo Khoản 3 Điều 134 Luật doanh nghiệp |
| **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu** | | | |
|  | 1. Cổ đông của Công ty được chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này. | 1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một phần của Công ty. | Sửa theo Điều 121 Luật doanh nghiệp |
|  | 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. | 2. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính Công ty, số lượng cổ phần và loại cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu, họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, số đăng ký tại sổ cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu, nội dung khác theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.  Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra | Sửa theo Điều 121 Luật doanh nghiệp |
|  | 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì. | **Bỏ Khoản 3** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | 4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phiếu ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí. | **Bỏ Khoản 4** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | 5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. | **Bỏ Khoản 5** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | 6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.  7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này. | **Bỏ Khoản 6 và Khoản 7** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác** | **Điều 7. Chào bán cổ phần** | Sửa đổi theo Điều 123 Luật doanh nghiệp |
|  | 1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. | 1. Công ty có thể tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ | Sửa đổi theo Điều 123 Luật doanh nghiệp |
|  | 2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác | 2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:  a. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.  b. Chào bán cổ phần riêng lẻ  c. Chào bán cổ phần ra công chúng | Sửa đổi theo Điều 123 Luật doanh nghiệp |
|  | 3. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ pháp luật về chứng khoán có quy định khác:   * 1. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh tóan hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ đến hạn trong vòng ba năm liên tiếp trước đó;   2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành;   3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và b của khoản này;   Trong trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của HĐQT về phát hành trái phiếu. | 3. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần. | Sửa đổi theo Điều 123 Luật doanh nghiệp |
| **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần** | | | |
|  | 3. Trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập Công ty. | 3. Trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập Công ty | Sửa theo Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp |
|  | 4. Sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ. | 4. Các hạn chế quy định tại Khoản 3 Điều này không áp dụng đối với cổ phần phổ thông sau đây:  ~~a~~. Cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.  b. Cổ phần đã được chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập. | Sửa theo Khoản 4 Điều 120 Luật doanh nghiệp |
|  | **Điều 9. Thu hồi cổ phần** | **Điều 9. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức** | Sửa theo Điều 136 Luật doanh nghiệp |
|  | 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ | 1. Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật doanh nghiệp, cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận, trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại |  |
|  | 2. Thông báo thanh toán nêu trên sẽ ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ rằng trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. | **Bỏ Khoản 2** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | 3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó vào bất kỳ thời điểm nào. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này | **Bỏ Khoản 3** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp | **Bỏ Khoản 4** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hội sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó | **Bỏ Khoản 5** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | 6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo | **Bỏ Khoản 6** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
| **Điều 11. Quyền của cổ đông** | | | |
|  | 3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: | 3. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: | Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở kết quả kinh doanh và tương ứng với phần vốn góp. | b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông | Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | c. Tự do thừa kế, chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành. | c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. | Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu. | d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty. | Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác. | e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên, địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. | Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | g. Trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; | g. Khi Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty | Sửa theo Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện hoặc sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: | 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: | Sửa theo Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có: họ, tên, địa chỉ thường trú, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân…; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề kiểm tra và mục đích kiểm tra. | c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề kiểm tra và mục đích kiểm tra. | Sửa theo Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp |
|  | d. Chất vấn, kiến nghị về công việc của các thành viên HĐQT và BKS khi phát hiện thấy: Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; Có dấu hiệu thua lỗ trong hoạt động kinh doanh; HĐQT hoặc Tổng Giám đốc có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty. | **Bỏ điểm d** | Do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không còn nêu |
|  | e. Có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; | d. Có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; | Sửa lại thứ tự của Khoản do thay đổi lại Khoản trong Điều lệ. |
|  | f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này. | e. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. | Sửa lại thứ tự của Khoản do thay đổi lại Khoản trong Điều lệ và sửa theo Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp |
| **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông** | | | |
|  | 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. | 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác: | Sửa theo Điều 119 Luật doanh nghiệp |
|  | 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định | 2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua | Sửa theo Điều 119 Luật doanh nghiệp |
|  | 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần | **Bỏ Khoản 3** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 không còn quy định này |
|  | 4. Hoàn thành nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành | 3. Hoàn thành nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành | Sửa lại thứ tự của Khoản do thay đổi trong Điều lệ |
|  | 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a. Vi phạm pháp luật;  b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;  c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty; | 4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a. Vi phạm pháp luật;  b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;  c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty; | Sửa lại thứ tự của Khoản do thay đổi trong Điều lệ và sửa theo Điều 13 Điều lệ mẫu |
|  | 6. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật về hoạt động của Công ty | 5. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật về hoạt động của Công ty | Sửa lại thứ tự của Khoản do thay đổi trong Điều lệ |
|  | 7. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc thông qua họp trực tuyến. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện của mình tại ĐHĐCĐ. | 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:   * 1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.   2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;   3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.   4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;   5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty. | Sửa lại thứ tự Khoản và sửa theo Khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu Thông tư 116 |
|  | 8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra | 7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra | Sửa lại thứ tự của Khoản do thay đổi trong Điều lệ |
| **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông** | | | |
|  | 3. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:  c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:   * + Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.   + Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.   Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền | 3. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:  c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. | Sửa đổi theo Điều 14 Điều lệ mẫu và Luật doanh nghiệp năm 2020 |
|  | 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường  a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3d và 3e Điều 13. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty | 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường  a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty. | Sửa đổi theo Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường  c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. | 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường  c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp | Sửa lại thứ tự Khoản theo Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | **Điều 15. Các đại diện được ủy quyền** | **Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông** | Sửa đổi theo Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại. | 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp | Sửa đổi theo Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:  a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;  b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;  c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;  Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp | 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. | Sửa đổi theo Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được cho là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). | **Bỏ Khoản 3** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 không còn quy định này |
|  | 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:   1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; 2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; 3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.   Điều khoản này sẽ không được áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. | 3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:  a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;  b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;  c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.  Điều khoản này sẽ không được áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. | Thay đổi lại thứ tự Khoản và sửa đổi theo Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2020 |
| **Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** | | | |
|  | 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c. | 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này. | Thay đổi lại thứ tự Khoản và sửa đổi theo Điều 140 Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều 18 Điều lệ mẫu |
|  | 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:  a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; | 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:  a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty. phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng | Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu |
|  |  | **Bổ sung điểm d, e, f, g và h như sau:**  d. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;  e. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;  f. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;  g. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;  h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp; | Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp |
|  | 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.  a. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán, trên Website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính.  b. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua đường bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.  c. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số Fax hoặc thư điện tử đó.  d. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.  e. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 21 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có Website, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông. | 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:  a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;  b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;  c. Phiếu biểu quyết;  d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. | Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.4 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. | 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. | Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 142 Luật doanh nghiệp |
|  | 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:  a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;  b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng .  c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua | 5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều 142 Luật doanh nghiệp thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:  a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;  b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phố thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.  c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. | Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu |
|  |  | **Bổ sung thêm điểm d như sau:**  d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này | Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp và Khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu |
|  | 7. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.  8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình. | **Bỏ Khoản 7 và Khoản 8** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ mẫu không còn quy định này |
| **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông** | | | |
|  | 2. Trừ trường hợp không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết . | 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. | Sửa đổi theo Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không tiến hành được do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn | 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp | Sửa đổi theo Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 4. Theo đề nghị của Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này. | 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp | Sửa đổi theo Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020 |
| **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** | | | |
|  | 1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. | 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. | Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 20 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. | 4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. | Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính thuyết phục cao nhất. | 5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chưng trình họp. | Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:   * 1. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;   2. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;   3. Sự trì hoãn là cần thiết để công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.   Ngoài ra Chủ tọa có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội trì hoãn trước đó. | 6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:  a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;  b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;  c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.  Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành | Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm hoãn Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu ra người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. | 7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. | Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. | 8. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp  a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;  b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;  c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự đại hội). Người triệu tập họp Đại hội cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. | Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 20 Điều lệ mẫu |
|  | 9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội | 9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:   * 1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;   b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 20 Điều lệ mẫu |
|  | 10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:  a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội).  b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;  Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần thiết nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này | **Bỏ Khoản 10** | Do Luật doanh nghiệp và Điều mẫu không còn quy định này |
|  | 11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:   * 1. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội).   2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;   Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần thiết nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. | **Bỏ Khoản 11** | Do Luật doanh nghiệp và Điều mẫu không còn quy định này |
|  | 12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của đại hội.  Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | **Bỏ Khoản 12** | Do Luật doanh nghiệp và Điều mẫu không còn quy định này |
|  | 13. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. | **10.** Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty. | Sửa lại thứ tự của Khoản và sửa theo Điều 148 Luật doanh nghiệp |
|  | 14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán | **11**. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán | Sửa lại thứ tự của Khoản |
|  | 15. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:   1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thi các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; 2. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; 3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; 4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp | **12**. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:  a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thi các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;  d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp | Sửa lại thứ tự của Khoản |
|  | **Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** | **Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua** | Sửa theo Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. | Sửa theo Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này và Khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp | 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này và Khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp. | Sửa theo Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. | 3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. | Sửa theo Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** | **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** | Sửa theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp. | Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp. | Sửa theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo và tài liệu phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét và phải gửi ít nhất 15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu ý kiến. | 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp. | Sửa theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;  b. Mục đích lấy ý kiến;  c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;  d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;  e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;  g. Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty | 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích lấy ý kiến;  c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;   * 1. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;   2. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;   3. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;   4. Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị | Sửa theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.  Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai có quyền được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. | 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:  a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;  b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;  c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. | Sửa theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:   * 1. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;   2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;   3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;   4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề;   5. Các quyết định đã được thông qua;   6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và người giám sát kiểm phiếu.   Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. | 5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;  c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;  d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề;  e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;  f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.  Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. | Sửa theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty | 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty. | Sửa theo Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông** | **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông** | Sửa theo Điều lệ mẫu |
|  | 1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.   2. Nội dung của biên bản được quy định theo Điều 150 Luật doanh nghiệp. | 1.Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có thể sử dụng dữ liệu điện tử đã được ghi và lưu tại cuộc họp như một phần nội dung của Biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;  c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;  d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;  đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;  e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;  g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;  h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;  i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.  2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.  4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.  5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | Thay toàn bộ Điều 22 theo Điều 150 Luật doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ mẫu |
| **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** | | | |
|  | 1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:  a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;  b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty .  2. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự và thủ tục quy định tại luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.  3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.  4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.  5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. | Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:  1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;  2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. | Thay toàn bộ Điều 23 theo Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều 24 Điều lệ mẫu |
| **Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị** | | | |
|  | 3. Thành viên Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập có quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị | 3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:  ~~a~~. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;  b. Trình độ chuyên môn.  c. Quá trình công tác.  d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác).  e. Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty;  g. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty. | Sửa đổi theo Điều 25 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. | 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. | Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu. Riêng tỷ lệ ứng cử và đề cử vẫn giữ nguyên như hiện tại |
|  | 5. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:  a. Thành viên đó không có đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT;  b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;  c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;  d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;  e. Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.  f. Hết nhiệm kỳ; Bị chết  g. Bị cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử mình tham gia Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này đề nghị bãi nhiệm, thay thế.  h. Bị Hội đồng quản trị kiến nghị bãi nhiệm bằng văn bản. | 5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:  a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp;  b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;  c. Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty | Sửa theo Khoản 1 Điều 160 Luật doanh nghiệp;  Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ quy định nêu tại Điểm d,e,f,g,h |
|  |  | **Bổ sung Khoản 6 và Khoản 7 như sau:**  6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:  a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng trừ trường hợp bất khả kháng;  b. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.  7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 160 Luật doanh nghiệp. | Sửa theo Khoản 2 và 3 Điều 160 Luật doanh nghiệp; |
|  | 6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây.  a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.  b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm | **8.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây.  a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.  b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;  c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất. | Sửa theo Khoản 4 Điều 160 Luật doanh nghiệp và sửa lại thứ tự của Khoản |
|  | 7. Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông cử đại diện tham gia Hội đồng quản trị Công ty mà muốn thay đổi thành viên Hội đồng quản trị đại diện cho mình phải làm văn bản đề nghị gửi tới Hội đồng quản trị để tập hợp, trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.  8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. | 9. Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông cử đại diện tham gia Hội đồng quản trị Công ty mà muốn thay đổi thành viên Hội đồng quản trị đại diện cho mình phải làm văn bản đề nghị gửi tới Hội đồng quản trị để tập hợp, trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.  10. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. | Sửa lại thứ tự Khoản |
|  | 10. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty | 11. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty | Sửa theo Điều 26 Điều lệ mẫu và thứ tự của Khoản |
|  | 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:   * 1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;   2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;   3. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác;   12. Đối với công ty niêm yết, Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:   1. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; 2. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; 3. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên | 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:  a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;  b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;  c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác;  13. Đối với công ty niêm yết, Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:  a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;  b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;  c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên | Sửa lại thứ tự của Khoản |
|  |  | **Bổ sung Khoản 14 như sau:**  **14**. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán của quy định khác, thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:  a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty, không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;  b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.  c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.  d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;  d. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ. | Sửa theo Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 12. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp | 15. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp | Sửa lại thứ tự của Khoản |
| **Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** | | | |
|  | 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác | **Bỏ Khoản 2 Điều này** | Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ quy định này |
|  | 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:   * 1. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;   2. Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. | 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:  a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;  b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. | Sửa theo Diều 153 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại~~;~~ | f. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; | Sửa theo Điều 153 Luật doanh nghiệp |
|  | g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước | g. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp | Sửa theo Điều 153 Luật doanh nghiệp |
|  | h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và chứng khoán chuyển đổi | h. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty | Sửa theo Điều 153 Luật doanh nghiệp |
|  | j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức | j. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh |  |
|  | k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty | k. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty. | Sửa theo Điều 153 Luật doanh nghiệp |
|  | m. Được tạm dừng việc thực hiện một số điểm trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết, nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Đồng thời phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất. | **Bỏ Điểm m khoản này** | Luật doanh nghiệp năm 2020 không có quy định này. |
|  | o. Các quyền và nghĩa vụ khác tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp | **Bố sung thêm các khoản sau và sửa lại thứ tự của các khoản:**  n. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;  o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội cổ đông thông qua nghị quyết;  p. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;  q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.  r. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;  s. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;  t. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;  u. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty. | Sửa theo Điều 153 Luật doanh nghiệp và Điều 27 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:  a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;  b. Thành lập các công ty con của Công ty;  c. Trong phạm vi quy định tại Điều 138 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm và liên doanh);  d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;  e. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo dảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;  f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách hàng năm;  g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;  h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;  i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;  j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;  k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.  l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;  m. Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Tổ chức việc phân phối lợi nhuận và việc thành lập các quỹ trên cơ sở mức trích lập và sử dụng quỹ từ lợi nhuận sau thuế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;  n. Kiến nghị bổ sung ngành nghề kinh doanh.  o. Kiến nghị việc chia, tách, hợp nhất, giải thể, tuyên bố phá sản, thanh lý tài sản trong trường hợp giải thể, phá sản Công ty. | **Bỏ điểm a, b, l, m, Khoản 4 Điều này** | Do đã sửa lại quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị ở Khoản 3 nêu trên của Điều này |
|  | 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua | 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán |  |
|  | 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc cho Công ty | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 6** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ mẫu không quy đình |
|  | 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. | 6. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh | Sửa theo Điều 28 Điều lệ mẫu và thứ tự của Khoản |
|  | 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. | 7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao của từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên | Sửa theo Điều 28 Điều lệ mẫu và thứ tự của khoản |
|  | 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT. | 8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện các công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. | Sửa theo Điều 28 Điều lệ mẫu và thứ tự của khoản |
|  | 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các khoản chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông. | 9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các khoản chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông | Sửa thứ tự của Khoản |
|  |  | **Bổ sung thêm khoản sau:**  12 . Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty. | Sửa theo Điều 28 Điều lệ mẫu |
| **Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị** | | | |
|  | 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. | 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. | Sửa đổi theo Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của HĐQT, có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán. | **Bỏ toàn bộ Khoản 2** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 không quy định |
|  | 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. | **Bỏ toàn bộ Khoản 3** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 không quy định |
|  | 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày kể từ ngày có quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc nhận được đơn xin từ chức bằng văn bản. | 2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. | Sửa lại thứ tự khoản |
|  | 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:  a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;  b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;  c. Tổ chức việc thông qua, quyết định của Hội đồng quản trị;  d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện, quyết định của Hội đồng quản trị;  e. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định thành lập Ban tổ chức đại hội cổ đông, quyết định thành lập các ban kiểm tra xác nhận tư cách đại biểu, ban thư ký tại các phiên họp Đại hội đồng cổ đông; | 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:  a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;  b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;  c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;  d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;  e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; | Sửa lại thứ tự khoản |
| **Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** | | | |
|  | 1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã được bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. | 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 2. Các cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. | 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản:   * 1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý:   2. Hai thành viên HĐQT điều hành của HĐQT;   3. Chủ tịch Hội đồng quản trị;   4. Đa số thành viên BKS hoặc thành viên độc lập | 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:  a. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.  b. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;  c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.  d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười năm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị; | 4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. | 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 6. Địa điểm họp các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị. | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 6** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 không quy định |
|  | 7. Thông báo và chương trình mời họp HĐQT phải được gửi cho cá thành viên HĐQT chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên không thể dự họ.  Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, Fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. | 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình và các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  |  | **Bố sung thêm khoản 7 như sau:**  7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.  Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ¾ số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không có đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn ½ số thành viên HĐQT dự họp. | 8. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ¾ tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên hội đồng quản trị dự họp. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 9. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:  a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;  b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;  c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.  d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a hoặc Điều 33.4b của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. | 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:  a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;  b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;  c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.  d. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT sẽ được tổ chức sau khi thành viên này biết mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 10** | Luật doanh nghiêp năm 2020 không quy định |
|  |  | **Bố sung thêm Khoản 10 như sau:**  10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  |  | **Bổ sung thêm Khoản 11 như sau:**  11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định. | 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. | Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|  | 12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:  a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;  b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.  Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương tiện này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.  Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 12** | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định |
|  | 13. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:  a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;  b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị;  Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được coi thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên. | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 13** | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định |
|  | 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt; bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Chủ tọa và thư ký chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | 13. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.  b. Thời gian, địa điểm họp.  c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;  d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;  đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;  e. Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự, diễn biến của cuộc họp;  g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;  i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hượp quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp. | Sửa theo Điều 158 Luật doanh nghiệp và thứ tự của Khoản. |
|  |  | **Bổ sung thêm Khoản 14,15,16 như sau:**  14. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.  15. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.  16. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. |  |
|  | 15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:  a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;  b. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. | 17. Các ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Ban. Nghị quyết của Ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ban. | Sửa theo Điều 31 Điều lệ mẫu và thứ tự khoản. |
|  | 16. Giá trị pháp lý hành động. Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót | 18. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của Ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty. | Sửa đổi theo Điều 31 Điều lệ mẫu và Sửa lại thứ tự khoản |
| **Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý** | | | |
|  | Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám điều hành; một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.  Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức. | Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đòng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. | Sửa đổi theo Điều 33 Điều lệ mẫu Thông tư 116 |
|  | **Điều 29. Cán bộ và người điều hành công ty** | **Điều 29. Người ~~q~~uản lý doanh nghiệp và người điều hành công ty** | Sửa đổi theo Khoản 24 Điều 4 và Điều 165 Luật doanh nghiệp năm 2020 |
|  | **Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành** | **Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc** | Sửa đổi theo Điều 162 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:  Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn sau:  a. Có tư cách đạo đức, có ít nhất một bằng Đại học về chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty, có năng lực và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, hiểu biết pháp luật và ít nhất 5 năm công tác trong lĩnh vực mà công ty kinh doanh hoặc lĩnh vực có liên quan;  b. Không thuộc các trường hợp không được phép quản lý, điều hành doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp;  c. Không kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành tại bất cứ cơ quan, đơn vị kinh tế nào khác trừ trường hợp được Hội đồng quản trị Công ty cử tham gia quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty. | 6. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 của Luật này thì Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:  a. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;  b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.  c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. | Sửa đổi theo Điều 162 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 7. Từ chức, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Khi Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn. Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định. Tổng Giám đốc được miễn nhiệm trong các trường hợp sau:  Có đơn xin từ chức được Hội đồng quản trị nhất trí;  Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;  8. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:   * 1. Mất quyền công dân;   2. Tự ý bỏ nhiệm vụ (theo quy định của Bộ luật lao động);   3. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao (vì lý do chủ quan dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty thua lỗ);   4. Sau khi Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ngay Tổng Giám đốc mới. | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 7 và Khoản 8** | Luật doanh nghiệp năm 2020 không quy định |
|  | **CHƯƠNG IX:**  **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**  **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT** | **CHƯƠNG IX:**  **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**  **VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC** | Sửa đổi theo chương X, Điều 47 của Điều lệ mẫu |
|  | **Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Thành viên Ban kiểm soát và cán bộ quản lý**  Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự. | **Điều 32. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Thành viên Ban kiểm soát và người điều hành khác**  Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cùa mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. | Sửa đổi theo chương X, Điều 47 của Điều lệ mẫu |
| **Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** | | | |
|  | 2. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và gia đình họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. | 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan | Sửa đổi theo Khoản 6 Điều 47 Điều lệ mẫu và Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp năm 2020. |
|  | 3. Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người có liên quan đến họ, hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng không được tính khi biểu quyết về mục đích đó nếu:  a. Đối với hợp đồng có giao dịch từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng, hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.  b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;  c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó đã được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng giao dịch này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn;  Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này. | 3. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:  a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.  b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan. | Sửa đổi theo Khoản 6 Điều 47 Điều lệ mẫu và Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp năm 2020. |
| **Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** | | | |
|  | 1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. | 1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. | Sửa đổi theo Điều 48 Điều lệ mẫu |
|  | 2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã, đang làm theo yêu cầu của HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí pháp quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. | 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Petrolimex là người khởi kiện ) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Petrolimex ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Petrolimex, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Petrolimex trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. | Sửa đổi theo Điều 48 Điều lệ mẫu |
|  |  | **Bổ sung thêm Khoản 3 như sau:**  3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên | Sửa đổi theo Điều 48 Điều lệ mẫu |
| **Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát** | | | |
|  | 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát gồm 03 (ba) người. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban Kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau  a. Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;  b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban kiểm soát; | 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát gồm 03 (ba) người. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban Kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:  a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;  b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát. |  |
|  | 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.  Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử | 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.  Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.  Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật | Điều 36 Điều lệ mẫu quy định, việc đề cử thành viên Ban kiếm soát thực hiện tương tự như quy định về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị, do vậy có thể sửa lại tỷ lệ ứng cử, đề cử hoặc giữ nguyên như Điều lệ hiện tại. |
|  | 5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:  a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;  b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;  c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;  d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;  e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.  f. Bị cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử mình tham gia Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này đề nghị bãi nhiệm, thay thế; bị 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát đề nghị bãi nhiệm;  g. Mất quyền công dân;  h. Tự ý bỏ nhiệm vụ (Theo quy định của Bộ luật lao động) | 5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:  a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.  b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;  c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;  d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. | Sửa theo Điều 174 Luật doanh nghiệp |
|  | 6. Thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm trong các trường hợp sau:  a. Có đơn xin từ chức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;  b. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự | 6. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:  a. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;  b. Không còn đủ tiêu chuẩn và đủ điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.  c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty; | Sửa theo Điều 174 Luật doanh nghiệp |
|  | 7. Trong trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 7** | Do Luật doanh nghiệp năm 2020 không quy định |
|  | 8. Trong trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên còn lại bầu một người thay thế tạm thời cho đến khi bổ sung đủ số thành viên Ban kiểm soát sẽ tiến hành bầu Trưởng Ban kiểm soát. | 8. Trường hợp kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. | Sửa đổi theo Điều 168 Luật doanh nghiệp |
|  | 9. Điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát:  a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.  b. Không là thành viên của Hội đồng quản trị, không được kiêm nhiệm các chức vụ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng Kế toán tài chính, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc, không phải là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của các đối tượng nói trên và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành;  c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của Công ty, trừ trường hợp Công ty có quy định khác;  d. Có năng lực, hiểu biết pháp luật và có thâm niên công tác 5 năm trong nghề trở lên | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản 9 vì đã được quy dịnh tại Khoản 1** | Điều lệ mẫu và Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ |
|  | **Điều 36. Ban kiểm soát** | **Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát** | Sửa đổi theo Điều 170 Luật doanh nghiệp 2020 |
|  | 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau:  a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;  b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán;  c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;  d. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;  e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;  f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;  g, Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm toán nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý;  h. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.  i. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;  j. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;  k. Không được sử dụng các thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.  l. Có thể báo cáo trực tiếp với ủy ban chứng khoán nhà nước hoặc các cơ quan quản lý nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý. | 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, và các quyền, nghĩa vụ sau:  a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.  b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.  c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;  d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;  e. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.  f. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;  g. Không được sử dụng các thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. | Sửa đổi theo Điều 170 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 39 Điều lệ mẫu |
|  |  | **Sửa lại thứ tự các khoản m,n.o,p.q,r như sau:**  h.Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;  i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;  j. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;  k. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;  l. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;  m. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. | Sửa lại thứ tự khoản cho phù hợp |
|  | 2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. | 2. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. | Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu và Điều 171 Luật doanh nghiệp |
|  | 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát dự họp phải ký tên và các biên bản họp. Các biên bản họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với nghị quyết của Ban kiểm soát. | 3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát | Sửa theo Điều 40 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà BKS quan tâm. | 4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ |  |
|  | 5. Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Mức thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. | 5. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:  a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.  b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.  c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Petrolimex theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty. | Sửa đổi theo Điều 172 Luật doanh nghiệp năm 2020 |
|  | 6. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty. | **Bỏ toàn bộ khoản 6** |  |
| **Điều 38. Công nhân viên và công đoàn** | | | |
|  | 1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. | 1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty. | Sửa đổi theo Điều 50 Điều lệ mẫu |
|  | 2. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể người lao động trong Công ty như Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội phụ nữ ... được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó. | 2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành | Sửa đổi theo Điều 50 Điều lệ mẫu |
|  | **Điều 39. Cổ tức** | **Điều 39. Phân phối lợi nhuận** | Sửa đổi theo Điều 51 Điều lệ mẫu |
|  | 1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ. | 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. |  |
|  | 2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. | **Bỏ toàn bộ nội dung Khoản này** | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định |
|  | 3. Công ty không phải trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu | 2. Công ty thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu | Sửa đổi theo Điều 51 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết nà | 3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này | Sửa đổi theo Điều 51 Điều lệ mẫu |
|  | 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hưởng thụ và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký. | 4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. | Sửa đổi theo Điều 51 Điều lệ mẫu |
|  | 6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những ngừơi sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cô tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. | 5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu~~,~~ cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. | Sửa đổi theo Điều 51 Điều lệ mẫu |
|  | 7. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tứclãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể thực hiện vào cùng ngày hoặc vào thời điểm khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. | 6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. | Sửa đổi theo Điều 51 Điều lệ mẫu |
|  | 8. Đối với các cổ đông chuyển nhượng cổ phần trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người nhận cổ tức từ Công ty trong đợt trả cổ tức đó là người chuyển nhượng. | **Bỏ toàn bộ nội dung khoản 8** | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định |
|  | **Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**  1. Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận sau thuế (trích lập các quỹ và chia cổ tức) để trình ĐHĐCĐ thường niên quyết định của từng năm.  2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. | **Bỏ toàn bộ nội dung Điều 40** | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định và đã được gộp trong Điều 38 |
|  | **Điều 41. Tài khoản ngân hàng** | **Điều 40. Tài khoản ngân hàng** | Sửa lại thứ tự của Điều |
|  | **Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ** | **Bỏ toàn bộ nội dung Điều 42 do Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định** | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định |
|  | **Điều 43. Năm tài khóa**  Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó. | **Điều 41. Năm tài chính**  Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. | Sửa lại theo Điều 53 Điều lệ mẫu và thứ tự của Điều |
|  | **Điều 44. Hệ thống kế toán** | **Điều 42. Chế độ kế toán** | Sửa lại theo Điều 54 Điều lệ mẫu và thứ tự của Điều |
|  | 1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài Chính chấp thuận | 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận. | Sửa lại theo Điều 54 Điều lệ mẫu |
|  | **CHƯƠNG XV:**  **BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG** | **CHƯƠNG XV:**  **BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN** | Sửa đổi theo Chương XV Điều lệ mẫu |
|  | **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và báo cáo thường niên** | **Điều 43. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý và báo cáo thường niên** | Sửa lại theo Điều 55 Điều lệ mẫu và thứ tự của Điều |
|  | 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. | 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Sửa lại theo Điều 55 Điều lệ mẫu |
|  | 2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bao gồm: báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính; Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. | 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải phản ánh trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. | Sửa lại theo Điều 55 Điều lệ mẫu |
|  | 3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng tháng theo quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch Chứng khoán. | 3.Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Sửa lại theo Điều 55 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên Website của Công ty. | **Bỏ toàn bộ khoản 4** | Điều 55 Điều lệ mẫu không còn quy định |
|  | 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải chi trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp. | **Bỏ toàn bộ khoản 5** | Điều 55 Điều lệ mẫu không còn quy định |
|  | 6. Báo cáo thường niên: Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. | **Sửa lại thứ tự thành Khoản 4** | Sửa lại theo Điều 56 Điều lệ mẫu và thứ tự của Khoản |
|  | **Điều 47. Kiểm toán** | **Điều 44. Kiểm toán** | Sửa lại thứ tự của Điều |
|  | 2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. | 2.Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính hàng năm của Công ty | Sửa lại theo Điều 57 Điều lệ mẫu |
|  | 3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình bày báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. | **Bỏ toàn bộ Khoản 3** | Điều lệ mẫu bỏ quy định này |
|  | 4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty. | **Bỏ toàn bộ Khoản 4** | Điều lệ mẫu bỏ quy định này |
|  | 5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và mọi thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề liên quan đến kiểm toán | 3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và mọi thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. | Sửa theo Điều 157 Điều lệ mẫu và thứ tự của Khoản |
|  | **Điều 48. Con dấu** | **Điều 45. Con dấu** | Sửa lại thứ tự của Điều |
|  | **CHƯƠNG XVIII:**  **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ** | **CHƯƠNG XVIII:**  **GIẢI THỂ CÔNG TY** | Sửa theo Chương XVIII Điều lệ mẫu |
|  | **Điều 49. Chấm dứt hoạt động, giải thể Công ty** | **Điều 46. Giải thể Công ty** | Sửa theo Điều 59 Điều lệ mẫu và thứ tự của Điều |
|  | 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:  a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;  b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;  c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  d. Không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn liên tục sáu tháng;  e. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;  f. Các trường hợp khác do pháp luật quy định. | 1. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau:  a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn.  b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn liên tục 06 tháng mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.  d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;  e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định; | Sửa theo Điều 207 Luật doanh nghiệp và Điều 59 Điều lệ mẫu |
|  | 4. Các thủ tục khác liên quan đến giải thể Công ty được thực hiện theo Điều 158 và Điều 159 Luật Doanh nghiệp. | 4. Các thủ tục khác liên quan đến giải thể Công ty được thực hiện theo Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Luật doanh nghiệp. | Sửa đổi do thay đổi thứ tự Điều của Luật doanh nghiệp |
|  | **Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông** | **Bỏ toàn bộ nội dung khoản này vì Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không có quy định.** | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không có quy định |
|  | **Điều 51. Gia hạn hoạt động** | **Điều 47. Gia hạn hoạt động** | Sửa lại thứ tự của Điều |
|  | 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn Hội đồng quản trị để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn họat động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị. | 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. | Sửa đổi theo Điều 60 Điều lệ mẫu |
|  |  |  |  |
|  | 2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua. | 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành. |  |
|  | **Điều 52. Thanh lý** | **Điều 48. Thanh lý** | Sửa lại thứ tự của Điều |
|  | 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự:  a. Các chi phí thanh lý;  b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;  c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;  d. Các khoản vay (nếu có); | 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự:  a. Các chi phí thanh lý;  b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.  c. Nợ thuế | Sửa đổi theo Điều 61 Điều lệ mẫu |
|  | **Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ** | **Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ** | Sửa lại thứ tự Điều |
|  | 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới các quyền của cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền và nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:  a. Cổ đông với Công ty;  b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay các cán bộ quản lý cao cấp;  c. Các cán bộ quản lý, người lao động với nhau và (hoặc) với Công ty; | 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định khác của pháp luật hoặc thỏa thuận giữa:  a. Cổ đông với Công ty;  b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác; | Sửa đổi theo Điều 62 Điều lệ mẫu |
|  | 2. Nếu không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế. | 2. Nếu không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án. | Sửa đổi theo Điều 62 Điều lệ mẫu |
|  | **Điều 55. Ngày hiệu lực** | **Điều 50. Ngày hiệu lực** | Sửa lại thứ tự Điều |
|  | 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. | 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 50 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. | Sửa lại số điều cho phù hợp |
|  | 2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:  a. 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;  b. 05 (năm) đăng ký tại cơ quan có chính quyền theo quy định của ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;  c. 04 (bốn) bản lưu trữ tại Văn phòng HĐQT Công ty; | 2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau. | Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định |